

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106) - 50

CBGD: Nguyễn Thị Nga (TNT103)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15112396	Trần Công Bằng	DH15TYNT		1	7	4	4.9		0012335678910	0123456789
2	16112402	Nguyễn Trung Chí	DH16TYNT		1	6	2	3.2		00123345678910	0123456789
3	17125494	Trần Bá Dữ	DH17NTNT		1	7	3	4.2		0012335678910	0123456789
4	15113200	Bá Bình Dunhy	DH15NHNT		1	1	1	1		00123345678910	0123456789
5	17116201	Phạm Đình Duy	DH17NTNT		1	9	8	8.3		00123345678910	0123456789
6	17116211	Thái Bình Dương	DH17NTNT		1	9	2	8.3		00123345678910	0123456789
7	15112202	Nguyễn Quốc Độ	DH15TYNT		1	6	1	2.5		00123345678910	0123456789
8	17116210	Lưu Văn Đức	DH17NTNT		1	7	2	3.5		00123345678910	0123456789
9	16112421	Nguyễn Phạm Minh Hoài	DH16TYNT		1	7	5	5.6		00123345678910	0123456789
10	15113267	Nguyễn Thị Thu Hương	DH15NHNT		1	7	7	7.0		00123345678910	0123456789
11	15112423	Phan Trọng Hữu	DH15TYNT		1	7	5	5.6		00123345678910	0123456789
12	17125495	Nguyễn Văn Khải	DH17BQNT		1	5	5	5.0		00123345678910	0123456789
13	17116202	Hồ Thị Mỹ Linh	DH17NTNT		1	8	9	8.7		00123345678910	0123456789
14	17116203	Lý Phi Long	DH17NTNT		1	6	1	2.5		00123345678910	0123456789
15	16112431	Phạm Hưng Long	DH16TYNT		1	1	1	1		00123345678910	0123456789
16	15113268	Tạ Thị Kim Luyến	DH15NHNT		1	1	1	1		00123345678910	0123456789
17	15112279	Nguyễn Hoàng Minh	DH15TYNT		1	7	6	6.6		00123345678910	0123456789
18	17116204	Nguyễn Thị Bích Ngỏan	DH17NTNT		1	1	1	1		00123345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin (200106) - 50

CBGD: Nguyễn Thị Nga (TNT103)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17116205	Nguyễn Lê Tuấn	DHI7NTNT	<i>Phong</i>	1	7		4	4.9	0012345678910	0123456789
20	15113272	Quảng Thị Hồng	DHI5NHNT	<i>Qua</i>	1	0		4	2.8	0012345678910	0123456789
21	17125466	Nguyễn Thị Thủy	DHI7NTNT	<i>Qui</i>	-	-		-	-	0012345678910	0123456789
22	17116207	Nguyễn Đào Phương	DHI7NTNT	<i>Thảo</i>	-	-		-	-	0012345678910	0123456789
23	16112447	Hồ Quyết	DHI6TYNT	<i>Thắng</i>	-	-		-	-	0012345678910	0123456789
24	17116208	Quảng Đại	DHI7NTNT	<i>Thống</i>	1	7		1	2.8	0012345678910	0123456789
25	16113223	Nguyễn Thị	DHI6NHNT	<i>Thom</i>	1	7		7	7.0	0012345678910	0123456789
26	17125470	Nguyễn Anh	DHI7NTNT	<i>Thư</i>	1	8		8	2.0	0012345678910	0123456789
27	16116296	Dương Tấn	DHI6TYNT	<i>Thừa</i>	-	-		-	-	0012345678910	0123456789
28	15113212	Trần Tri	DHI5NHNT	<i>Thức</i>	1	7		5	5.6	0012345678910	0123456789
29	17116209	Lê Dương Thủy	DHI7NTNT	<i>Tiến</i>	1	8		5	5.9	0012345678910	0123456789
30	15125323	Nguyễn Thị Hồng	DHI5BQNT	<i>Trang</i>	1	6		2	3.2	0012345678910	0123456789
31	16112457	Trịnh Thị Mai	DHI6TYNT	<i>Trang</i>	1	8		4	5.2	0012345678910	0123456789
32	17116212	Võ Ngọc	DHI7NTNT	<i>Trần</i>	1	8		8	8.0	0012345678910	0123456789
33	17125497	Trần Thị Ngọc	DHI7NTNT	<i>Trinh</i>	1	6		7	6.7	0012345678910	0123456789
34	15112296	Nguyễn Thanh	DHI5TYNT	<i>Tuán</i>	1	7		2	3.5	0012345678910	0123456789
35	17125498	Phạm Thị Trúc	DHI7NTNT	<i>Uyên</i>	1	8		8	8.0	0012345678910	0123456789
36	15125325	Nguyễn Thị Xuân	DHI5BQNT	<i>Xương</i>	1	7		5	5.6	0012345678910	0123456789

37 17125496 *Trần Thị Hồng*

DHI7NTNT

9

7

7.6

7.6



Mã nhận dạng 05078

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Các nghị CB của CN MácLênin (200106) - 50

CBGD: Nguyễn Thị Nga (TNT103)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	--------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	------------------	------------

Số lượng vắng: 08

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đan S
Vũ Xuân Đình
Lưu Thị Diễm Dành

VL
Võ Nguyễn Hoài Như